

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 140/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Đường Minh N, sinh năm 1992.
2. Chị Trịnh Thị S, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đường Minh N và chị Trịnh Thị S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 25/9/2014 tại UBND xã H (nay là xã Y), huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên đã ảnh hưởng trầm trọng đến tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N và chị S có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Nay anh N và chị S không thay đổi ý kiến và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Đường Minh N và chị Trịnh Thị S thừa nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Đường Thị Minh N, sinh ngày 03/5/2015. Ly hôn, anh N và chị S thỏa thuận giao cháu N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh Đường Minh N và chị Trịnh Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Đường Minh N và chị Trịnh Thị S thỏa thuận anh N chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận giữa anh Đường Minh N và chị Trịnh Thị S được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đường Minh N và chị Trịnh Thị S.

- Về con chung: Anh Đường Minh N và chị Trịnh Thị S thừa nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Đường Thị Minh N, sinh ngày 03/5/2015. Giao cháu N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S mỗi tháng 2.000.000 đ (*Hai triệu đồng*), thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 09 năm 2020 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ khi chị S có đơn yêu cầu thi hành án phần cấp dưỡng nuôi con, nếu chưa thi hành án, anh N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Về tài sản chung: Anh Đường Minh N và chị Trịnh Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đường Minh N phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0009188 ngày 07/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Anh N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đào Văn Nam